

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 650/2024/HS-PT

Ngày: 12 - 8 - 2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 536/2024/TLPT-HS ngày 18/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 667/2024/QĐXXPT-HS ngày 26/7/2024 đối với bị cáo Trần Minh N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (đã được sửa chữa, bổ sung tại Thông báo số 35/2024/TB-TA ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh).

- Bị cáo kháng cáo:

Trần Minh N, sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Cao Thị D; có vợ là Trần Thị Kim L và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/01/2024, chuyển tạm giam từ ngày 18/01/2024 (có mặt).

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn R, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

Địa chỉ: Văn phòng luật sư Nguyễn Văn R, số D C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

(Trong vụ án còn có bị hại không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/3/2023, Trần Minh N ký hợp đồng cấp tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần Á, Phòng G, chi nhánh thị xã H, tỉnh Tây Ninh (gọi tắt là Ngân hàng A), hạn mức tín dụng 5.000.000.000 đồng; đã được giải ngân tổng số tiền 5.000.000.000 đồng theo các khế ước nhận nợ số 03 ngày 20/3/2023; số 04 ngày 11/8/2023 và số 05 ngày 16/10/2023. Ngày 27/10/2023, Trần Minh N trả nợ ngân hàng 400.000.000 đồng và sửa đổi hạn mức tín dụng thành 4.600.000.000 đồng.

Ngày 14/12/2023, để có tiền trả nợ ngân hàng, thông qua ông Phùng Phi H, Trần Minh N ký giấy vay của chị Nguyễn Thị Bé T số tiền 2.600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, hẹn ngày 16/12/2023 trả thì bà T đồng ý và giao 2.600.000.000 đồng cho ông Phùng Phi H để chuyển khoản vào tài khoản số 30061587 của Trần Minh N tại Ngân hàng A. Ngày 15/12/2023, Trần Minh N thực hiện thủ tục trả Ngân hàng A số tiền 2.600.000.000 đồng. Còn nợ Ngân hàng A 2.000.000.000 đồng. Cùng ngày 15/12/2023, Trần Minh N ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức 4.600.000.000 đồng và được ngân hàng A giải ngân số tiền 2.600.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, Trần Minh N không trả lại cho chị Nguyễn Thị Bé T như thỏa thuận mà sử dụng 1.000.000.000 đồng để mở 01 sổ tiết kiệm đứng tên Trần Thị Kim N1 – con gái của N, còn 1.600.000.000 đồng Nhứt cất giữ. Khoảng 07 giờ 30 ngày 16/12/2023, Trần Minh N kêu Trần Thị Kim N1 đến ngân hàng A rút tiền trong sổ tiết kiệm được 998.000.000 đồng, giao hết cho Trần Minh N. Đến hạn thanh toán, ông Phùng Phi H liên lạc qua điện thoại yêu cầu Trần Minh N trả nợ vay cho bà T thì N đưa ra nhiều lý do như: chăm sóc vợ của N là bà Trần Thị Kim L đang trị bệnh tại bệnh viện X nên không thể đến ngân hàng rút tiền; bị người khác chặn đường lấy hết tiền, để N chiếm đoạt số tiền 2.600.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Bé T sử dụng vào việc đánh bạc tại Campuchia và thua hết. Sau nhiều lần yêu cầu nhưng Trần Minh N không trả tiền nên ngày 27/12/2023, chị Nguyễn Thị Bé T làm đơn tố cáo đến Công an tỉnh T.

Ngày 31/01/2024, bà Trần Thị Kim L là vợ của N đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bé T 2.600.000.000 đồng xong.

* Về thu giữ vật chứng:

- Tiền Việt Nam: 870.000.000 đồng và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, loại CX5, biển số 70A-251.38: đã trả lại cho bà Trần Thị Kim L.

- Vật chứng kèm theo vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu N2, loại 105, màu đen, số sê ri: 356962092243949, có sim số 0784947862 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V2025, màu đen, số IMEI 1: 8662435057070236. IMEI 2: 866243057070228, có sim số 0909611915 và số 0768377625.

* Về bồi thường thiệt hại: chị Nguyễn Thị Bé T đã nhận lại số tiền 2.600.000.000 đồng do gia đình bị cáo trả và không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (đã được sửa chữa, bổ sung tại Thông báo số 35/2024/TB-TA ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh) đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Minh N 11 (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/01/2024.

Áp dụng khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự; phạt bổ sung bị cáo Trần Minh N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, xử lý tài sản kê biên, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/5/2024, bị cáo Trần Minh N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục toàn bộ hậu quả, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình đề giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục toàn bộ hậu quả, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, tham gia công tác từ thiện tại địa phương, bị hại có đơn bãi nại, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo hưởng mức án nhẹ như Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, không oan. Về phần quyết định hình phạt là quá nghiêm khắc, trong khi bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, cần xem đây là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, ngoài ra, bị hại có đơn bãi nại, bị cáo thành khẩn khai báo và nhiều tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Minh N trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên xử, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng; thể hiện: ngày 14/12/2023, Trần Minh N thỏa thuận vay của chị Nguyễn Thị Bé T số tiền 2.600.000.000 đồng để dùng việc đáo hạn khoản vay tại ngân hàng A và cam kết sau khi đáo hạn xong sẽ vay lại tiền của ngân hàng để trả cho chị T. Nhưng sau khi đáo hạn xong và vay được tiền thì N không trả nợ cho chị T mà chiếm đoạt số tiền này qua Campuchia đánh bạc hết, N nói dối với chị T là bị người khác chặn đường lấy hết tiền, trốn gặp chị T khi chị đòi tiền.

Số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của chị T là 2.600.000.000 đồng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an nên cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại, người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo tích cực tham gia công tác từ thiện tại địa phương, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; mặt khác việc bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên cần xem đây là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt. Hơn nữa, bị hại có đơn bãi nại, bị cáo thành khẩn khai báo và nhiều tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ đó cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo khi đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, lời bào chữa của luật sư là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Minh N.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Minh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh N. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (đã được sửa chữa, bổ sung tại Thông báo số 35/2024/TB-TA ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh) về hình phạt đối với bị cáo Trần Minh N.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Minh N 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/01/2024.

Áp dụng khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự; phạt bổ sung bị cáo Trần Minh N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách nhà nước.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Minh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Dương Anh Văn

Nguyễn Đắc Minh